

Số: 79/2021/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 22 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1985

Trú tại: Khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: anh Bùi Công T - sinh năm 1987

Trú tại: Khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Công T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Bùi Công T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Đăng K - sinh ngày 05/4/2012 và cháu Bùi Thiện K – sinh ngày 17/10/2016 kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Công T.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003864 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Nguyễn Thị N được hoàn trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Thụy Liễu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Thắng